



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 36 (04/09-08/09/23)

VN-Index sớm vượt đỉnh ngắn hạn sau kỳ Nghỉ Lễ

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index sớm vượt đỉnh ngắn hạn sau kỳ Nghỉ Lễ*

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *VN-Index hồi phục nhanh chóng và hướng về kiểm tra đỉnh ngắn hạn*

4. TIN VĨ MÔ: *Lãi suất huy động tại các ngân hàng liên tiếp giảm sâu ở nhiều kỳ hạn*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hóa chất +9.36%*

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index sớm vượt đỉnh ngắn hạn sau kỳ Nghỉ Lễ

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1224.05	2.91%
GTGD/phiên (tỷ VND)	19,059.15	6.09%
Khối ngoại (tỷ VND)	914.88	
HNX-INDEX	249.75	2.68%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1978.88	12.01%
Khối ngoại (tỷ VND)	114.34	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4515.77	0.18%	2.50%	0.84%
EU (EURO STOXX)	4282.64	-0.34%	1.10%	-1.16%
China (SHCOMP)	3133.25	0.43%	2.26%	-4.71%
Japan (NIKKEI)	32710.62	0.28%	3.44%	1.71%
Korea (KOSPI)	2563.71	0.29%	1.77%	-1.60%
Singapore (STI)	3233.30	0.41%	1.65%	-2.76%
Thailand (SET)	1561.51	-0.28%	0.08%	2.13%
Phillipines (PCOMP)	6181.06	0.09%	-0.72%	-4.66%
Malaysia (KLCI)	1463.43	0.79%	1.30%	1.50%
Indonesia (JCI)	6977.65	0.35%	1.19%	1.15%
Vietnam (VNIndex)	1224.05	0.90%	2.91%	1.08%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2312	1226.30	-0.67%	25,373	49,298
VN30F2305	1218.50	-1.30%	83	1,405
VN30F2310	1232.30	-0.18%	7	590
VN30F2309	1233.00	-0.12%	9	244

TTCK VIỆT NAM

Lực cầu chiếm ưu thế trong tuần thanh khoản trung bình

VN-Index ghi nhận mức tăng tốt 3.4% chỉ trong 4 phiên giao dịch trong tuần. Độ rộng tăng điểm tích cực với 76% cổ phiếu và 17/19 ngành tăng điểm. Các cổ phiếu lớn ngành ngân hàng, công nghệ tăng mạnh nâng đỡ chỉ số tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực trên toàn thị trường. Hóa chất và dịch vụ tài chính tăng trên 7% và dòng tiền luân chuyển qua một số ngành chưa tăng giá như bán lẻ, dệt may, thủy sản. Diễn biến này đang cho thấy NĐT đang tích cực tìm cơ hội ngắn hạn cho dù dòng tiền chưa tăng trưởng từ tâm lý Nghỉ Lễ. Sự kiện Tổng thống Hoa Kỳ sang Việt Nam mang lại cơ hội hợp tác sâu rộng giữa 2 quốc gia sẽ là tâm điểm và tạo hiệu ứng tâm lý tốt giúp VN-Index kiểm tra và vượt đỉnh ngắn hạn tại 1,243 điểm trong tuần tới. Chỉ số SXCN tháng 8 tăng 2.9%yoy, tăng 2.6% so tháng trước. Tổng mức bán lẻ HH và DVTD +7.6% yoy và +0.9% so tháng trước. Xuất nhập khẩu tăng lần lượt 7.7% và 5.7% tháng trước và giảm 7.6% và 8.3% yoy. Cán cân thương mại tháng 8 và 8 tháng xuất siêu 3.8 tỷ và 20.1 tỷ USD. CPI tăng 0.8% so tháng trước, bình quân 8 tháng +3.1%. Chỉ số vàng và USD +0.6% mom. Khách du lịch đạt 1.2 triệu người, tăng 17.2%. Tổng vốn FDI đăng ký và thực hiện tăng 8.2% và 1.3% yoy. Vốn ngân sách thực hiện tăng 29.1%yoy, thặng dư NS 8 tháng ở mức 43 nghìn tỷ. Nhìn chung vĩ mô ổn định dù tỷ giá đang gây sức ép trong ngắn hạn. Các trụ cột tăng trưởng như tiêu dùng, sản xuất, xuất khẩu cải thiện nhưng chưa rõ nét do cầu yếu từ trong nước và quốc tế.

TTCK THẾ GIỚI

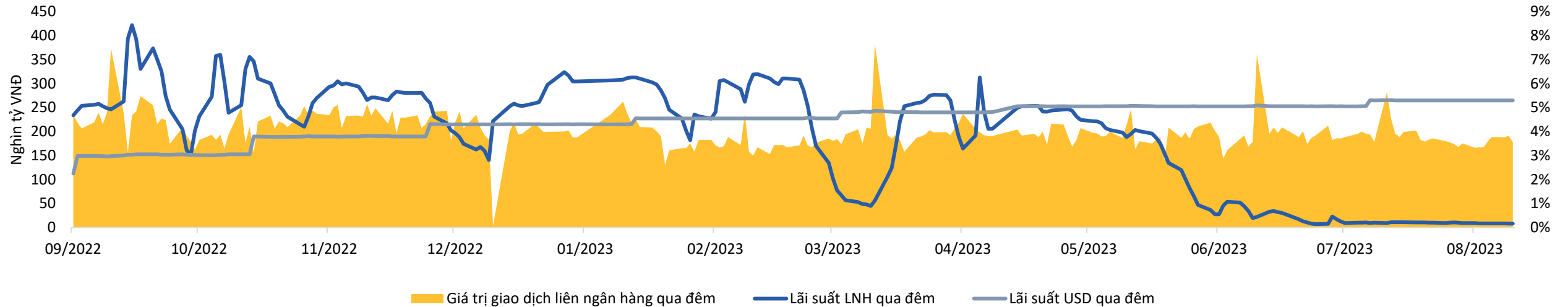
TTCK Hoa Kỳ có chuỗi tăng điểm trước các tín hiệu nền kinh tế giảm tốc

Số liệu việc làm thất vọng và GDP quý III điều chỉnh giảm từ 2.4% xuống 2.1% là động lực cho TTCK Hoa Kỳ hồi phục. Tính đến 30/8, Chỉ số S&P 500 có chuỗi tăng điểm 4 phiên liên tiếp, qua đó ghi nhận mức tăng hơn 3%. Dấu hiệu phục hồi cũng mở rộng trên TTCK Châu Âu và Châu Á. Chỉ số EU600 tăng 1.9% trong khi các thị trường chủ chốt Châu Á như Nhật, Trung Quốc có mức tăng trên 1%. Chỉ số DXY chứng khi giảm 0.5%, tạo nền cho kim loại quý và giá hàng hóa tăng mạnh. Chỉ số hàng hóa tăng 2.3%, dẫn đầu là nhóm năng lượng (Dầu +3.7%, Gas +6%) và kim loại quý (Vàng +1.5% và Bạc +1.7%). Tuần tới các quốc gia chủ chốt công bố chỉ số PMI, là một trong những chỉ số quan trọng đánh giá hoạt động sản xuất tại các quốc gia này. Cung tiền của Eurozone giảm 0.4% trong 12 tháng tính đến tháng 7. Đây là mức giảm lần đầu trong 13 năm do các khoản vay khu vực tư nhân giảm sút 1.6% và tiền gửi suy giảm. Các doanh nghiệp và hộ gia đình rút tiền gửi ngắn hạn với tốc độ kỷ lục, giảm 10.5% trong 12 tháng và chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn cố định có lãi suất cao hơn. Kinh tế Eurozone tăng 0.3% quý II và đang dự báo có khả năng suy thoái trong quý III. Cung tiền là một trong dữ liệu quan trọng trong việc điều hành chính sách ECB. Nguồn tín dụng và tiền ngắn hạn giảm là tín hiệu cho thấy hoạt động kinh tế chậm và áp lực lạm phát sẽ hạ nhiệt. Điều này có thể là yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của ECB trong việc tạm dừng tăng lãi suất trong cuộc họp 14/9 tới đây.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.16%	0.42%	0.59%	1.67%	3.60%	5.65%	6.73%
So với tuần trước	-0.01%	0.01%	0.02%	0.12%	-0.06%	-0.73%	-0.32%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	185,814.67	18,300	7,111	3,312	3,156	477	147
So với tuần trước	6.94%	182.88%	-28.65%	-1.79%	-17.05%	94.69%	242.68%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 30/08/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 35, bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi. Giá trị giao dịch qua đêm bình quân tăng nhẹ.
- Hoạt động trên OMO không ghi nhận giao dịch mới.

PTKT VN-INDEX: VN-Index hồi phục nhanh chóng và hướng về kiểm tra đỉnh ngắn hạn

Đồ thị ngày: VN-Index có những phiên giao dịch giằng co và tăng giảm xen kẽ sau phiên bán tháo trong tuần trước. Sau phiên báo tháo theo đà ngày 22/8, lực cầu bắt đáy đã kéo chỉ số tăng điểm với cây nến doji bóng nến dài và tích lũy trở lại quanh 1,180 điểm. Chỉ số vận động trong khoảng giá với ngưỡng trên tại 1,192 điểm (Fibonacci retracement 23.8%) và 1,157 điểm (Fibonacci retracement 38.2% và đường kênh giá hồi phục từ tháng 11/2023). Các chỉ báo kỹ thuật suy yếu, thanh khoản giảm sút là dấu hiệu thường thấy sau đỉnh ngắn hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 44 lên 59 điểm.
- thu hẹp với đường tín hiệu và giữ trên mức 0. Thanh khoản bình quân tăng nhẹ so tuần trước.
- VN-Index vượt SMA 20 và các đường SMA trung và dài hạn.

Kết luận: Thị trường đang vận động hồi phục vững chắc sau phiên bán tháo cuối tuần trước với các cây nến chỉ hướng. VN-Index vượt qua ngưỡng tâm lý 1,200 điểm và đang hướng về kiểm tra đỉnh ngắn hạn. Các chỉ báo kỹ thuật phục hồi dù vậy vẫn tăng chậm hơn chỉ số và có thể chuyển sang phân kỳ âm khi VN-Index vượt đỉnh ngắn hạn 1,243 điểm trong tuần tới. Dù vậy, VN-Index vẫn có cơ hội vượt lớn để vượt đỉnh ngắn hạn và hướng về 1,280 – 1,300 sau nhịp điều chỉnh ngắn hạn.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Lãi suất huy động tại các ngân hàng liên tiếp giảm sâu ở nhiều kỳ hạn*

VIỆT NAM:

- Hội nghị Đại biểu Quốc hội chuyên trách lần thứ 4: đã thảo luận về một số vấn đề lớn còn ý kiến khác nhau của dự án Luật Đất đai (sửa đổi), trong đó có vấn đề các trường hợp được thỏa thuận về nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở thương mại (Điều 127).
- Dự kiến Tổng thống Mỹ Joe Biden sẽ thăm Việt Nam từ ngày 10 đến 11/9/2023 theo lời mời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.
- Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Singapore đã thống nhất mở rộng thêm 2 nội dung mới là hợp tác năng lượng, phát triển bền vững vào Hiệp định khung.
- Bộ KH&ĐT: tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam trong 8 tháng qua đạt gần 18.15 tỷ USD, tăng 8.2% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng mạnh hơn so với 7 tháng (tăng 3.7 điểm %).
- Tổng cục Thuế: tổng số tiền thuế nợ ngành thuế quản lý ước tính đến cuối T7.2023 là 151,325 tỷ đồng, giảm 0.4% so với thời điểm ngày 30/6/2023, tăng 2.4% so với thời điểm ngày 31/12/2022. Lũy kế tính đến cuối tháng 7/2023, thu được 25,608 tỷ đồng tiền nợ thuế.
- Lãi suất huy động tại các ngân hàng liên tiếp giảm sâu ở nhiều kỳ hạn. Đến nay chỉ còn đếm trên đầu ngón tay ngân hàng niêm yết lãi suất trên 7%/năm.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: GDP quý 2 được điều chỉnh giảm còn +2.1%. Chỉ số Q1 trước đó là +2.4%.
- Hoa Kỳ: cán cân thương mại hàng hóa trong tháng 7 thâm hụt 91.18 tỷ USD. Tháng trước là 87.84 tỷ USD. Xuất khẩu đạt 164.8 tỷ USD. Nhập khẩu đạt 256 tỷ USD.
- Hoa Kỳ: số lượng việc làm còn trống đã giảm xuống khoảng 8.8 triệu người trong tháng 7, mức thấp nhất kể từ T3.2021). Có 1.51 cơ hội việc làm cho mỗi người thất nghiệp trong tháng 7, tỷ lệ thấp nhất kể từ T9.2021.
- Anh: số đơn xin phê duyệt vay thế chấp T7.2023: 49.44 nghìn (Dự kiến: 51 nghìn. Trước đó: 54.66 nghìn).
- Anh: theo dữ liệu của Hiệp hội Bán lẻ, lạm phát giá cửa hàng tháng 8 năm 2023 đã giảm xuống mức thấp nhất trong 10 tháng trở lại đây. +0.5% m/m; +6.9% y/y (trước đó: +7.6%).
- Trung Quốc: cơ quan quản lý chứng khoán vừa thông qua việc thành lập 37 quỹ đầu tư mới vào cuối tuần trước. Đây là nỗ lực gần nhất của đất nước tỷ dân để vực dậy thị trường chứng khoán.
- Nhật Bản: tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ trong tháng 7: Đạt 2.7% (dự kiến giữ nguyên mức của tháng 6 là 2.5%).

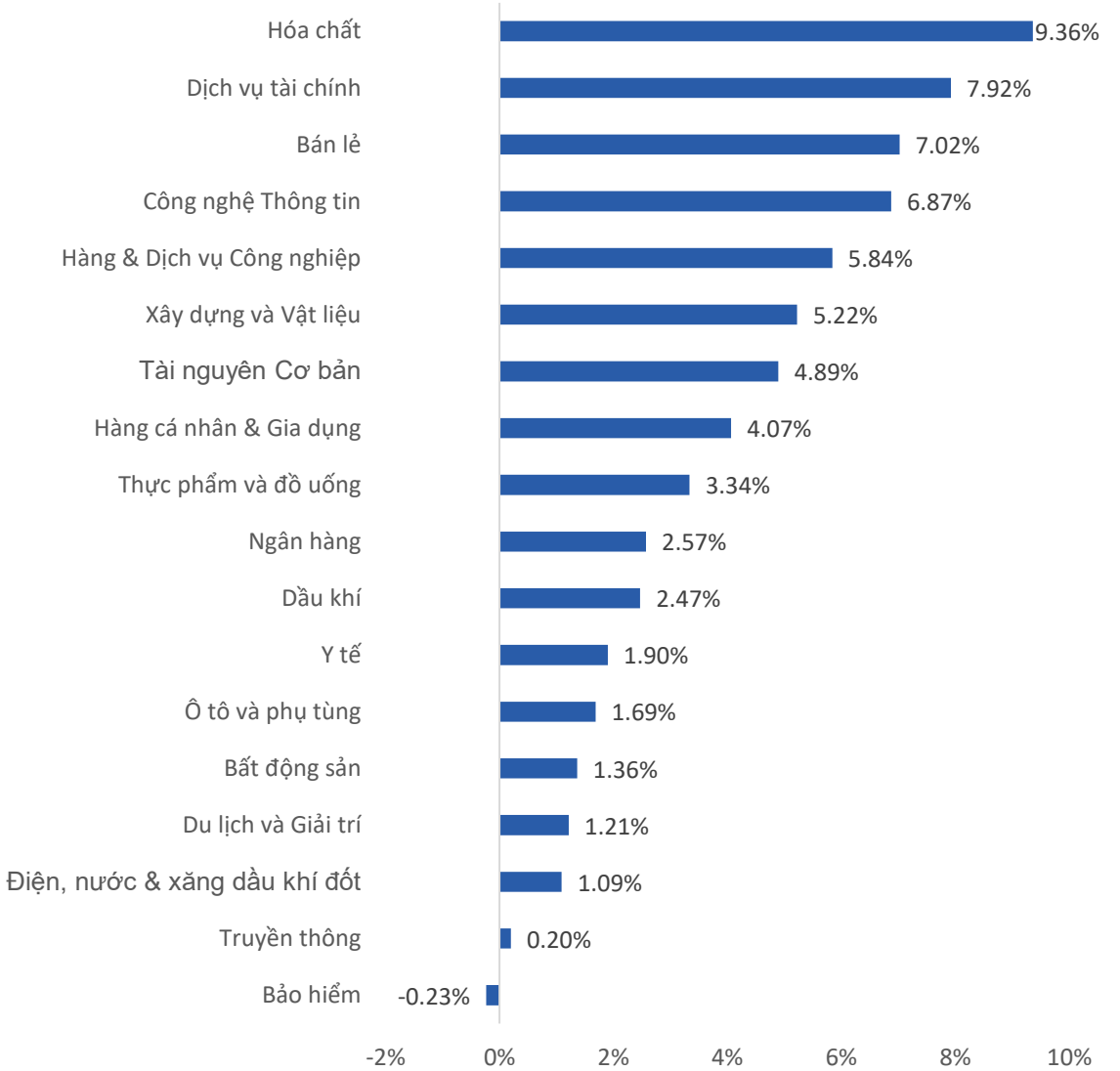
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Tổng thống Hoa Kỳ sang thăm Việt Nam từ 10-11/9/2023;
- Tâm lý và dòng tiền vận động tích cực tạo nền tảng giá sau kỳ Nghỉ Lễ
- 4/9, Chỉ số PMI Trung Quốc; niềm tin tiêu dùng Nhật Bản và GDP Thụy Sĩ. 5/9, Lãi suất và biên bản tiền tệ NHTW Australia; chỉ số PMI dịch vụ Anh và EU. 6/9, GDP Australia; Doanh thu bán lẻ Châu Âu; Lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ Canada. 7/9, CPI Trung Quốc, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 8/9, GDP công bố lần cuối Nhật Bản, Tỷ lệ thất nghiệp Canada, phiên họp đầu tiên của G20.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Hóa chất	4.05%	9.36%	3.43%	DRC	1.77%		
Dịch vụ tài chính	0.75%	7.92%	9.67%	SSI	4.38%	HCM	9.92%
Bán lẻ	0.00%	7.02%	1.94%	MWG	6.96%	PNJ	3.21%
Công nghệ Thông tin	0.14%	6.87%	13.25%	FPT	7.44%	CMG	2.22%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.85%	5.84%	1.83%	GDM	12.97%	VSC	7.13%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	85.55	2.30%	7.17%	8.11%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	88.55	1.98%	5.48%	6.93%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	259.12	0.99%	-2.03%	2.18%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,940.06	-0.01%	1.31%	0.29%		PNJ
Bạc	USD/oz.	24.19	-1.04%	-0.16%	1.99%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,369.25	0.04%	-1.33%	3.63%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	USd/bu.	595.50	-1.08%	-4.22%	-10.75%	AFX	
Sữa	USD/cwt	18.92	-0.94%	1.45%	5.29%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	224.20	4.67%	5.56%	12.04%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	25.81	2.99%	3.95%	6.65%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	151.90	-1.68%	-0.82%	-8.69%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,500.50	0.93%	1.69%	-1.51%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,757.00	0.72%	1.73%	-2.03%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,237.00	1.31%	3.68%	-0.82%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	844.00	0.30%	3.05%	12.68%	HPG	HPG
Than đá	USD/MT	159.00	0.32%	-1.00%	11.38%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	537.94	1.27%	2.11%	-3.31%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	3.36%	3.63
HPG	6.36%	2.43
BID	3.87%	2.23
GVR	11.20%	2.22
FPT	6.73%	1.96
CTG	4.17%	1.57
VNM	3.87%	1.54
BCM	8.57%	1.50
VPB	3.71%	1.28
MWG	6.53%	1.22
Tổng		19.57

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-2.20%	-1.34
VPI	-4.28%	-0.14
SSB	-0.35%	-0.06
BHN	-1.72%	-0.04
TDP	-4.32%	-0.03
HBC	-3.38%	-0.02
DMC	-3.68%	-0.02
SGR	-4.93%	-0.02
VSH	-0.77%	-0.02
S4A	-4.76%	-0.02
Tổng		-1.72

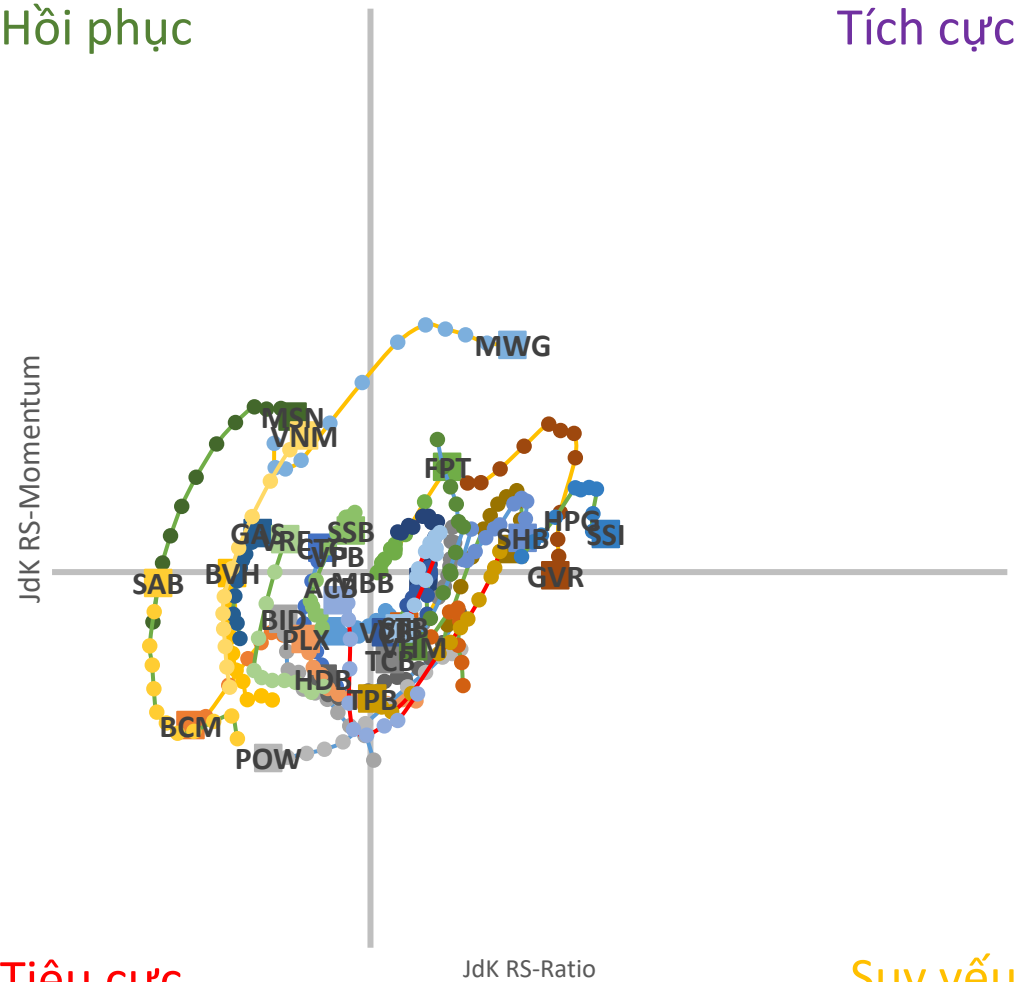
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
KDC	299.95	
DGC	202.91	13.53
GMD	194.01	47.63
VNM	168.93	54.69
VCG	153.67	6.66
VRE	147.25	32.56
VIX	138.25	5.34
KBC	131.56	20.80
DXG	122.68	18.45
HPG	115.39	26.14
Tổng	1,674.60	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
SSI	-301.78	
VPB	-176.89	16.30
DPM	-175.06	15.41
VIC	-118.13	13.16
MSN	-114.00	30.13
FUEVFN	-105.46	
DCM	-92.65	11.58
BCM	-58.58	2.61
VHM	-58.08	24.25
BVH	-51.50	26.64
Tổng	-1252.14	

Vận động cổ phiếu VN30			
FPT	104.8374	102.791	36.14%
HPG	108.9394	100.6078	21.05%
MWG	108.9443	106.0395	31.36%
SHB	109.5743	100.905	16.60%
SSI	114.7967	101.008	42.86%
CTG	96.99538	100.6367	13.86%
GAS	92.93737	101.0344	6.98%
MSN	95.12619	104.1329	6.40%
SSB	98.78676	101.0985	7.45%
VIC	99.22829	103.9916	16.07%
VJC	91.60819	100.3858	0.82%
VNM	95.8509	103.6339	21.62%
VRE	94.66745	100.8683	12.64%
GVR	111.6224	99.90849	22.75%
MBB	103.3374	99.72484	9.06%
STB	102.1497	98.54582	18.30%
TCB	101.2281	97.67183	8.66%
TPB	100.1224	96.62407	7.69%
VCB	100.9856	98.39437	0.22%
VHM	102.7123	98.01323	-1.26%
VIB	101.8597	98.49409	5.71%
ACB	97.51056	98.41663	3.67%
BCM	88.71513	95.91683	-11.08%
BID	94.54913	98.74858	7.44%
BVH	91.33014	99.96392	2.61%
HDB	97.01219	97.15672	4.18%
PLX	95.94568	98.21514	3.63%
POW	93.58913	95.0413	-7.25%
SAB	86.67712	99.70166	1.94%
VPB	97.96098	99.24614	7.44%

Hồi phục

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Nguồn: Bloomberg

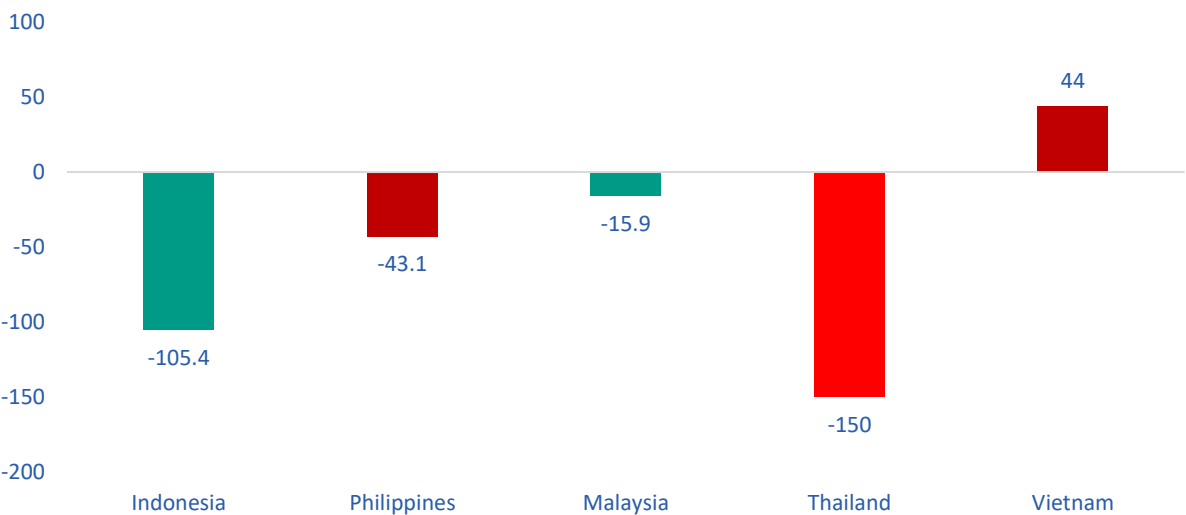
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(270.4)	(162.8)	(1,480.5)	(4,925.7)
Indonesia	-105.4	33.1	-1104	-13.9
Philippines	-43.1	-131.1	202.5	-264.8
Malaysia	-15.9	31.2	344.4	-584.9
Thailand	-150	-29.6	-833.9	-3940.7
Vietnam	44	-66.4	-89.5	-121.4
Các nước khác	990.6	1,647.6	(1,684.5)	28,675.0
Hàn Quốc	496.1	115.6	173.5	8117.8
Đài Loan	-53.8	-194.3	-7736.6	3510.7
Ấn Độ	549.1	1726.2	5865.8	17031.8
Sri Lanka	(0.80)	0.10	12.80	14.70

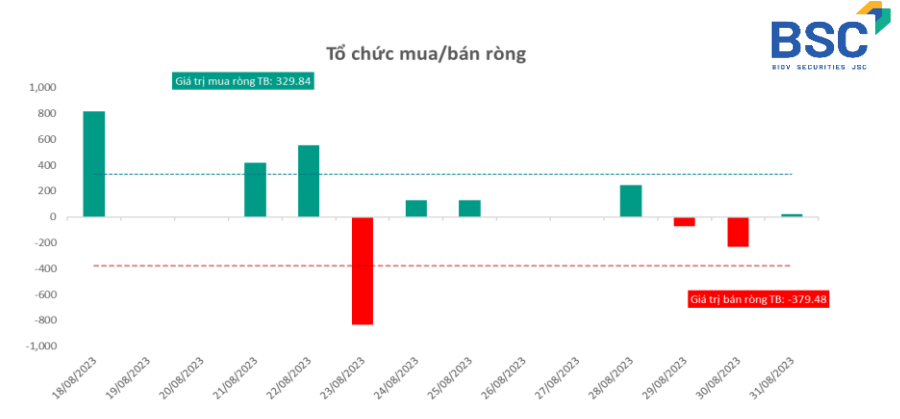
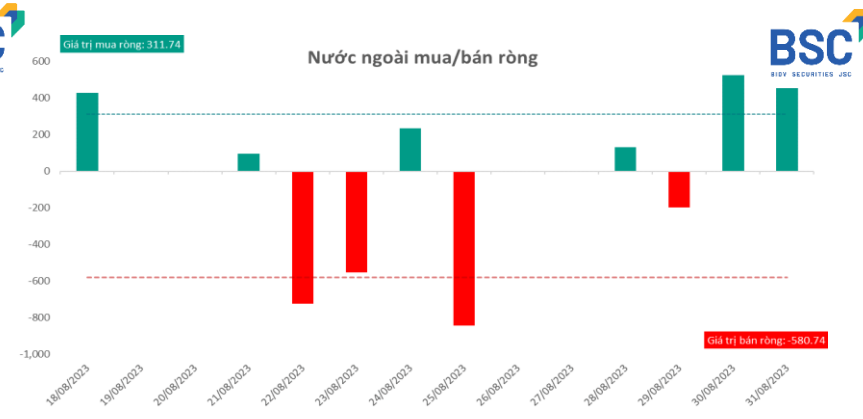
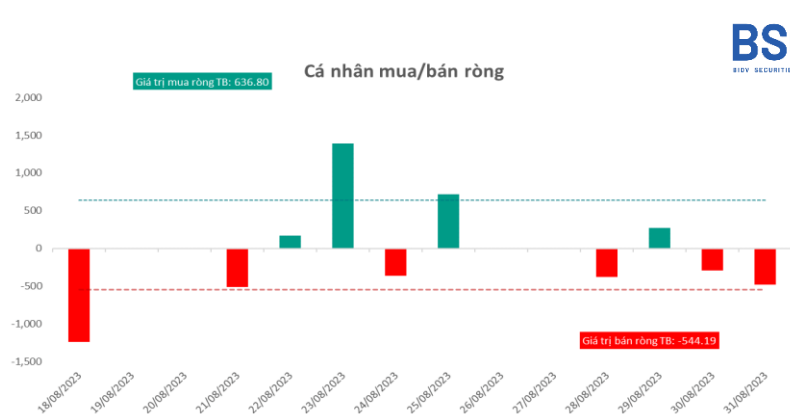


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	May-23					Jun-23				Jul-23				Aug-23					Sep-23	
	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	W27	W28	W29	W30	W31	W32	W33	W34	W35	Tổng
	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	(19.42)	(8.05)	7.58	0.67	4.05	(8.50)	(53.18)	(65.83)	(16.03)	110.65
ETF ngoại	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	(17.69)	(4.78)	7.01	2.28	(4.24)	(8.34)	(14.20)	(39.63)	(10.69)	178.11
Fubon	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	(0.79)	(2.43)	(1.25)	(2.74)	(6.51)	(8.34)	(14.20)	(13.81)	(10.69)	9.94
VNM	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	0.00	6.90	2.81	5.02	1.49	0.00	0.00	0.00	0.00	91.21
FTSE	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	0.00	1.37	0.00	0.00	(6.16)	0.00	0.00	(1.80)	0.00	56.42
iShare	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	(16.90)	(10.62)	5.45	0.00	6.94	0.00	0.00	(24.02)	0.00	20.54
ETF nội	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	(1.73)	(3.27)	0.57	(1.61)	8.29	(0.16)	(38.98)	(26.20)	(5.34)	(67.46)
Diamond	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	(0.10)	(1.97)	(0.11)	(0.32)	3.31	-	(15.28)	(16.32)	(3.83)	(32.31)
E1	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(1.63)	(1.08)	0.68	0.43	5.77	-	(23.47)	(8.32)	(0.78)	(30.59)
Finlead	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	-	(0.22)	-	(1.72)	(0.79)	(0.16)	(0.23)	(1.56)	(0.72)	(4.56)

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
PET	4,289,900	112.38	VNM	1,150,611	-89.29	KDC	4,611,229	299.95	SSI	9,204,216	-301.78	NVL	15,951,293	321.97	KDC	4,608,329	-299.77
FUEVFNVD	3,127,200	83.30	FPT	815,401	-74.22	DGC	2,432,746	202.91	VPB	8,672,695	-176.89	VCG	8,745,651	240.35	VJC	2,448,028	-239.50
MSN	992,600	79.45	EIB	2,595,400	-65.50	GMD	3,232,285	194.01	DPM	4,841,860	-175.06	DPM	4,943,660	178.86	DGC	2,565,336	-213.99
NVL	1,762,700	35.29	CTG	1,643,409	-53.69	VNM	2,179,850	168.93	VIC	1,907,320	-118.13	VPB	8,582,995	174.93	VNM	2,552,646	-197.92
STB	930,090	29.73	VPB	2,194,101	-44.73	VCG	5,579,460	153.67	MSN	1,427,939	-114.00	SSI	4,178,067	135.53	GMD	3,106,375	-186.90
VIC	334,888	21.17	TCB	1,232,311	-41.95	VRE	4,912,344	147.25	FUEVFNVD	3,976,000	-105.46	DCM	3,474,292	108.45	DXG	7,380,836	-160.40
CTR	219,100	18.01	ACB	1,750,211	-38.80	VIX	7,100,874	138.25	DCM	2,939,192	-92.65	FPT	1,122,279	102.16	VND	6,688,888	-147.74
MWG	285,798	15.99	MBB	1,619,967	-29.63	KBC	3,963,268	131.56	BCM	892,100	-58.58	VHM	1,096,954	60.03	KBC	3,833,893	-129.41
VCG	531,584	15.25	GMD	379,510	-22.18	DXG	5,639,055	122.68	VHM	1,061,954	-58.08	VIC	876,532	52.78	HPG	4,616,608	-127.79
FUESSVFL	674,200	13.62	VJC	221,700	-21.39	HPG	4,199,136	115.39	BVH	1,141,740	-51.50	PAN	2,407,200	51.44	VIX	5,816,635	-114.94

HIỆU SUẤT DANH MỤC BSC30, BSC50

Diễn biến BSC30, BSC50:

- **BSC30:** Trong tuần 35, BSC30 **+4.48%**. Các mã diễn biến tích cực: **DGC** (+16.51%), **GMD** (+12.97%), **GVR** (+10.35%).

- **BSC50:** Trong tuần 35, BSC50 **+5.61%**. Các mã diễn biến tích cực: **GEX** (+12.53%), **CTR** (+12.26%), **TNG** (+12.22%).

(Chi tiết danh mục tại trang 12, 13, 14)

Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	89.1	0.00%	1.00	20,595.00	5.60	7,311.00	12.19	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	47	1.60%	0.90	9,822.00	3.20	4,208.00	11.17	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	21	0.70%	1.10	5,816.00	12.40	-		23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	34.5	1.50%	1.60	5,018.00	5.90	-		-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18.5	0.50%	1.50	3,989.00	5.00	4,640.00	3.99	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	32.6	0.50%	1.20	2,546.00	25.30	4,603.00	7.08	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	21.8	5.60%	1.90	3,615.00	5.40	4,880.00	4.47	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	34.4	2.50%	1.60	1,094.00	18.50			34,000	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	47.5	0.20%	1.70	648.00	6.30	1,217.00		45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	48	3.90%	1.80	890.00	3.30	1,916.00	25.05	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.6	1.50%	2.00	6,637.00	29.60	1,896.00	14.56	23,300	26.40%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	54.7	0.20%	1.10	9,850.00	14.50	5,227.00	10.46	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	30	2.00%	1.00	2,847.00	9.10	1,576.00	19.23	36,200	32.10%	Link
KDH	BĐS	37	3.20%	1.80	1,097.00	3.40	2,557.00	14.47	35,900	38.90%	Link
NLG	BĐS	38.9	1.30%	1.70	618.00	4.40	14,120.00	2.75	46,100	41.40%	Link
DGC	Phân bón	87.5	4.50%	1.80	1,374.00	12.40	6,793.00	12.88	85,000	13.50%	Link
DPM	Dầu khí	37	2.20%	1.00	598.00	8.50	2,625.00	14.10	42,000	15.40%	Link
DCM	Dầu khí	31	2.00%	1.30	679.00	4.90	2,292.00	13.53	40,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	98.6	-0.70%	0.60	7,805.00	2.30	1,340.00	73.58	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	38.6	0.40%	0.90	2,026.00	1.20	2,929.00	13.18	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	35.5	1.70%	1.00	702.00	11.30	993.00	35.75	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	25.5	1.60%	1.10	586.00	4.50	7,698.00	3.31	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	12.8	0.80%	0.90	1,240.00	3.80	3,895.00	3.29	14,500	6.20%	Link
VNM	Bán lẻ	77.8	0.00%	0.40	6,724.00	12.30	2,605.00	29.87	81,700	54.40%	Link
MSN	Bán lẻ	81.5	2.40%	1.30	4,823.00	8.60	3,456.00	23.58	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	53.8	0.00%	1.70	3,254.00	11.60	7,475.00	7.20	63,300	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.5	-0.20%	0.60	1,092.00	2.40	2,965.00	27.15	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	77.4	0.00%	1.00	587.00	2.40	12,800.00	6.05	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	62.7	6.80%	0.40	782.00	15.60	7,059.00	8.88	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	96.7	0.10%	0.60	5,079.00	5.60	5,901.00	16.39	96,300	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	32.4	1.10%	1.20	6,449.00	7.10	3,520.27	8.61	1.33	27.19%	15.94%
ACB	Ngân hàng	22.6	0.70%	1.10	3,630.00	6.70	3,742.40	5.88	1.41	30.00%	25.16%
HDB	Ngân hàng	16.8	3.10%	0.80	2,016.00	2.70	3,148.88	5.91	1.27	20.00%	22.26%
LPB	Ngân hàng	16	0.90%	1.40	1,698.00	3.80	2,732.22	5.93	1.28	3.90%	15.94%
VIB	Ngân hàng	20.4	1.80%	1.30	2,135.00	2.70	3,469.03	5.85	1.54	20.50%	28.49%
VND	Chứng khoán	23.5	0.00%	1.90	1,184.00	21.90	489.06	36.60	1.70	23.53%	3.84%
TPB	Ngân hàng	19.6	0.30%	1.00	1,785.00	4.80	2,895.37	6.32	1.35	28.78%	19.79%
SSI	chứng khoán	33.4	-0.30%	1.60	2,071.00	24.40	1,119.93	25.05	1.97		9.08%
CII	Xây dựng	22.4	0.70%	1.60	263.00	9.00	217.60	85.02	1.06	8.45%	0.19%
C4G	Xây dựng	14.4	1.40%	1.90	-	1.40	790.73	18.08	1.42	0.00%	8.20%
CTD	Xây dựng	63.1	2.30%	2.10	194.00	2.50	183.95	420.21	0.60	43.16%	0.82%
HHV	Xây dựng	15.2	2.00%	1.60	208.00	3.90	903.05	17.16	0.72	4.82%	4.17%
LCG	Xây dựng	13	3.90%	2.10	104.00	4.30	812.23	16.99	1.11	3.09%	3.71%
BCM	KCN	72.2	0.60%	0.60	3,090.00	1.00	1,170.44	69.20	4.44	2.71%	3.15%
HUT	KCN	26.2	-0.40%	1.40	378.00	4.10	161.84	124.20	2.41	1.94%	1.35%
PHR	KCN	50.9	1.20%	1.40	285.00	0.80	6,038.56	8.41	2.06	15.34%	26.78%
SZC	KCN	37.6	2.60%	1.80	186.00	2.30	1,102.80	29.11	2.79	3.02%	10.78%
HSG	Vật liệu	20	1.50%	2.30	510.00	9.70	(1,693.61)		1.23	20.22%	-11.74%
HT1	Vật liệu	14.9	2.10%	1.50	235.00	0.80	386.12	43.38	1.25	3.55%	1.25%
NKG	Vật liệu	19.3	2.70%	2.40	210.00	8.30	(2,585.96)		1.00	10.44%	-13.12%
PTB	Vật liệu	57.8	0.90%	1.10	160.00	1.20	6,016.80	9.06	1.38	17.13%	13.69%
KSB	Vật liệu	30.7	3.40%	1.70	97.00	3.50	1,392.77	22.19	1.21	3.30%	4.99%
NVL	BĐS	20.4	2.00%	1.40	1,649.00	31.00	362.35	40.57	1.10	3.86%	-0.53%
DXG	BĐS	22.2	0.20%	2.70	561.00	13.30	(239.59)		1.34	18.42%	-1.38%
HDC	BĐS	36.3	0.30%	1.00	203.00	5.20	2,525.76	11.44	2.71	1.97%	17.18%
DIG	BĐS	28.6	0.50%	2.40	723.00	20.10	261.72	80.62	2.19	5.75%	1.11%
IJC	BĐS	16.4	2.20%	2.10	171.00	1.80	1,661.89	8.57	1.14	5.70%	10.20%
BSR	Dầu khí	19.6	1.00%	1.40	-	5.60	4,750.00	3.79	1.25	0.41%	33.16%
PVT	Dầu khí	23.2	4.30%	0.80	310.00	4.70	2,740.01	8.56	1.13	13.86%	15.91%
PLC	Săm lốp	35.6	2.60%	1.60	119.00	0.40	1,355.49	28.18	2.44	1.25%	7.56%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	23	1.30%	1.20	113.00	0.40	2,246.06	10.28	1.61	11.51%	13.40%
REE	Tiện ích	62.8	-0.30%	0.70	1,062.00	2.00	6,714.22	9.81	1.58	49.00%	14.90%
GEX	Tiện ích	24.7	5.60%	1.80	870.00	37.40	9.99	1917.69	1.60	11.94%	2.55%
NT2	Tiện ích	27.9	1.30%	0.60	332.00	0.70	3,244.99	9.29	1.83	15.34%	15.62%
HDG	Tiện ích	31	4.40%	1.80	392.00	2.90	3,774.53	8.05	1.69	23.84%	15.68%
PC1	Tiện ích	27	4.80%	1.50	302.00	3.00	1,257.41	21.63	1.52	5.59%	5.06%
GEG	Tiện ích	14.3	1.80%	1.00	202.00	0.50	901.85	16.47	1.42	45.88%	5.20%
BCG	Dầu khí	11.8	2.20%	2.50	259.00	7.30	220.40	44.46	0.94	2.14%	-0.60%
SAB	Bán lẻ	158	-1.10%	0.10	4,190.00	1.90	7,649.00	19.61	4.17	62.28%	19.12%
QNS	Bán lẻ	50.1	0.60%	0.50	-	2.70	4,226.00	11.90	1.99	16.19%	17.50%
FRT	Bán lẻ	83.5	0.20%	1.50	470.00	3.30	1,620.00	47.41	5.87	32.69%	-2.51%
DGW	Bán lẻ	57.9	-0.50%	2.20	400.00	4.60	3,396.50	14.25	3.48	23.61%	21.73%
DBC	Bán lẻ	25	5.50%	2.10	248.00	7.80	(1,339.12)		1.36	5.95%	-0.25%
PET	Bán lẻ	29	1.90%	2.30	128.00	1.10	1,025.57	29.25			3.68%
BAF	Bán lẻ	20.7	1.00%	1.10	123.00	1.60	1,408.62	17.89	1.67	0.08%	9.96%
ANV	Thủy sản	34.7	-0.10%	1.90	191.00	1.70	4,368.00	8.59	1.59	3.95%	9.29%
VSC	Logistics	30.8	3.40%	0.20	1,686.00	1.50	2,086.56	18.33	1.53	3.12%	6.42%
HAH	Logistics	34.7	6.80%	1.20	151.00	5.20	9,072.47	5.32	1.45	4.48%	25.48%
CTR	Công nghệ	83.3	0.20%	1.50	394.00	0.70	4,040.07	18.51	4.99	9.69%	31.94%
TNG	Dệt may	20.2	4.10%	1.70	95.00	2.80	2,665.32	7.47	1.26	23.78%	17.18%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký